

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Thạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Dân	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2012)
Ông Trần Ngọc Anh	Ủy viên
Ông Trần Quang Đường	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoàng Ngân	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 24 tháng 02 năm 2012)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thạnh	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Xuân Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Văn Thạnh
Tổng Giám đốc

Hưng Yên, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Số: /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Thép Việt - Ý (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 23. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 02 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1472/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.097.308.745.297	1.335.467.535.482
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	400.129.908.591	226.782.408.392
1. Tiền	111		50.568.241.924	79.300.277.271
2. Các khoản tương đương tiền	112		349.561.666.667	147.482.131.121
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.833.673.404	56.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		23.833.673.404	56.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		282.493.005.496	91.091.376.747
1. Phải thu khách hàng	131		276.399.513.241	80.416.253.361
2. Trả trước cho người bán	132		14.672.011.980	21.586.525.804
3. Các khoản phải thu khác	135		4.065.211.688	2.096.800.996
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.643.731.413)	(13.008.203.414)
IV- Hàng tồn kho	140	6	351.745.421.882	861.125.626.132
1. Hàng tồn kho	141		351.745.421.882	861.125.626.132
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		39.106.735.924	100.468.124.211
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		12.527.977.588	58.259.308.715
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		26.246.869.776	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	7	331.888.560	42.208.815.496
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		221.144.391.288	322.387.316.126
I- Tài sản cố định	220		104.656.191.067	121.408.258.727
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	87.119.364.936	121.387.849.636
- Nguyên giá	222		341.785.484.821	340.375.555.786
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(254.666.119.885)	(218.987.706.150)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	17.504.069.767	-
- Nguyên giá	228		17.850.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(345.930.233)	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		32.756.364	20.409.091
II- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		89.324.839.204	200.410.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	10	199.410.000.000	199.410.000.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	11	1.000.000.000	1.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(111.085.160.796)	-
III- Tài sản dài hạn khác	260		27.163.361.017	569.057.399
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	26.993.513.199	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	169.847.818	569.057.399
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.318.453.136.585	1.657.854.851.608

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		794.838.365.131	1.076.453.532.787
I- Nợ ngắn hạn	310		793.784.219.437	1.071.169.197.535
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	704.196.738.260	528.735.795.232
2. Phải trả người bán	312		52.523.153.317	465.171.748.580
3. Người mua trả tiền trước	313		1.213.260.628	11.359.076.866
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	1.372.232.972	30.003.637.921
5. Phải trả người lao động	315		6.938.933.953	7.505.186.727
6. Chi phí phải trả	316		7.463.262.346	5.872.976.913
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3.552.424.407	3.938.059.769
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		16.524.213.554	18.582.715.527
II- Nợ dài hạn	330		1.054.145.694	5.284.335.252
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	4.496.208.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1.054.145.694	788.127.252
B- NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		523.614.771.454	581.401.318.821
I- Vốn chủ sở hữu	410	16	523.614.771.454	581.401.318.821
1. Vốn điều lệ	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		363.790.000	363.790.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.835.568.717	8.835.568.717
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		130.092.933.471	110.092.933.471
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		25.909.026.633	20.493.632.270
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		58.413.452.633	141.615.394.363
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.318.453.136.585	1.657.854.851.608

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2010
1. Vật tư, hàng hoá nhận gia công	-	19.282.595.200

Hưng Yên, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	3.950.368.635.015	3.104.305.259.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	35.736.413.445	20.142.313.948
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		3.914.632.221.570	3.084.162.945.387
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	3.656.651.061.374	2.851.494.649.843
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		257.981.160.196	232.668.295.544
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	20.210.089.541	15.800.854.826
7. Chi phí tài chính	22	20	183.599.702.376	55.856.537.963
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		68.725.431.789	33.547.519.220
8. Chi phí bán hàng	24		40.452.646.022	26.828.554.702
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.236.826.854	22.688.751.074
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		33.902.074.485	143.095.306.631
11. Thu nhập khác	31		3.588.283.381	4.701.707.382
12. Chi phí khác	32		2.150.246.442	2.339.094.687
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		1.438.036.939	2.362.612.695
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		35.340.111.424	145.457.919.326
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	7.727.449.210	34.884.342.027
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	399.209.581	158.182.936
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		27.213.452.633	110.415.394.363
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	907	4.005

Hưng Yên, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-ÝKhu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MÃ SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	35.340.111.424	145.457.919.326
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	35.654.094.578	36.443.828.096
- Các khoản dự phòng	03	110.986.707.237	2.660.513.695
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(13.080.657)	1.276.635.108
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(14.073.958.154)	(15.352.408.532)
- Chi phí lãi vay	06	68.725.431.789	33.547.519.220
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	236.619.306.217	204.034.006.913
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(171.160.474.460)	(11.284.623.244)
- Giảm/(Tăng) hàng tồn kho	10	509.344.704.250	(538.468.865.334)
- (Giảm)/Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(414.991.869.671)	327.528.364.319
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(27.392.722.780)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(67.915.664.266)	(32.139.769.854)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(45.176.846.759)	(32.030.330.402)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	45.508.475.243	45.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(28.639.401.806)	(64.482.500.677)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.195.505.968	(146.798.718.279)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.538.134.784)	(16.820.668.853)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	138.636.364	186.469.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(56.000.000.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(23.833.673.404)	(38.250.000.000)
5. Tiền thu hồi từ khoản tiền gửi có kỳ hạn	26	56.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.164.060.245	13.351.587.113
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.930.888.421	(97.532.612.649)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông	31	-	75.231.850.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.170.484.077.182	2.227.228.013.194
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.999.519.342.154)	(2.011.520.335.167)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	(58.756.709.875)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	112.208.025.153	290.939.528.027
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	173.334.419.542	46.608.197.099
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	226.782.408.392	180.125.491.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	13.080.657	48.719.770
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	400.129.908.591	226.782.408.392

Hưng Yên, ngày 29 tháng 02 năm 2012

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đặng Thị Tuyết Dung

Nguyễn Hoàng Ngân

Trần Văn Thạnh

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1748/QĐ-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc chuyển Nhà máy Thép Việt-Ý thuộc Công ty Sông Đà 12 - Tổng Công ty Sông Đà (nay là Tập đoàn Sông Đà) thành Công ty Cổ phần.

Ngày 18 tháng 3 năm 2010, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 10 với số vốn điều lệ là 300.000.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam.

Các đơn vị trực thuộc Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Hà Nội;
- Chi nhánh Tây Bắc - Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý tại Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ, công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 430 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 420 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm thép có thương hiệu thép Việt-Ý (VIS); sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên vật liệu, thiết bị phụ tùng phục vụ cho ngành thép; kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất và tiêu thụ các loại thép cuộn từ $\phi 6$ - $\phi 8$ và thép thanh từ D10 đến D40.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 26.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2011
	(Số năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	4
Phương tiện vận tải	8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.074.226.520	1.187.115.715
Tiền gửi ngân hàng	49.494.015.404	78.113.161.556
Các khoản tương đương tiền (*)	349.561.666.667	147.482.131.121
	<u>400.129.908.591</u>	<u>226.782.408.392</u>

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	96.002.468.494	627.687.554.244
Công cụ, dụng cụ	6.373.607.474	474.356.368
Thành phẩm	249.369.345.914	232.464.372.659
Hàng gửi đi bán	-	499.342.861
Cộng	<u>351.745.421.882</u>	<u>861.125.626.132</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>351.745.421.882</u>	<u>861.125.626.132</u>

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	243.242.926	217.978.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	88.645.634	41.990.837.496
	<u>331.888.560</u>	<u>42.208.815.496</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	59.473.520.709	262.017.057.111	17.915.427.138	969.550.828	340.375.555.786
Tăng trong năm	298.269.090	1.882.410.043	-	14.817.273	2.195.496.406
Mua trong năm	-	1.025.510.952	-	14.817.273	1.040.328.225
Cải tạo, nâng cấp	298.269.090	856.899.091	-	-	1.155.168.181
Giảm trong năm	484.208.895	-	282.318.333	19.040.143	785.567.371
Thanh lý, nhượng bán	-	-	282.318.333	19.040.143	301.358.476
Giảm khác	484.208.895	-	-	-	484.208.895
Tại ngày 31/12/2011	59.287.580.904	263.899.467.154	17.633.108.805	965.327.958	341.785.484.821
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	37.976.938.773	173.321.819.742	7.458.999.122	229.948.513	218.987.706.150
Tăng trong năm	6.489.967.596	27.127.621.232	2.050.572.556	227.349.570	35.895.510.954
Khấu hao trong năm	6.489.967.596	27.127.621.232	2.050.572.556	227.349.570	35.895.510.954
Giảm trong năm	-	-	198.057.076	19.040.143	217.097.219
Thanh lý, nhượng bán	-	-	198.057.076	19.040.143	217.097.219
Tại ngày 31/12/2011	44.466.906.369	200.449.440.974	9.311.514.602	438.257.940	254.666.119.885
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	14.820.674.535	63.450.026.180	8.321.594.203	527.070.018	87.119.364.936
Tại ngày 31/12/2010	21.496.581.936	88.695.237.369	10.456.428.016	739.602.315	121.387.849.636

Tại ngày 31/12/2011, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 11.817.612.935 đồng (tại ngày 31/12/2010: 8.951.549.532 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2011	-
Mua trong kỳ	17.850.000.000
Tại ngày 31/12/2011	<u>17.850.000.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2011	-
Tăng trong kỳ	345.930.233
Tại ngày 31/12/2011	<u>345.930.233</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	<u>17.504.069.767</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>-</u>

Quyền sử dụng đất thể hiện tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phố Nối A trong thời gian 43 năm. Khu đất được sử dụng cho mục đích di dời xưởng luyện cán thép và dây chuyền sản xuất 2.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ	Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31/12/2011	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	Hải Phòng	43,17%	199.410.000.000 VND	Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; bốc xếp hàng hóa.

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh khoản tiền đầu tư vào Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê văn phòng tại Tòa nhà HH4 Mỹ Đình	24.134.228.835	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.859.284.364	-
	<u>26.993.513.199</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Phố Nối	27.000.000.000	46.845.550.669
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hải Dương	356.322.510.100	135.361.464.655
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hưng Yên	205.242.228.160	258.974.139.995
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - CN Hà Nội	115.632.000.000	55.980.090.664
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	31.574.549.249
	<u>704.196.738.260</u>	<u>528.735.795.232</u>

Các khoản vay ngắn hạn được thực hiện dưới hình thức vay theo hạn mức tín dụng. Các khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc các ngoại tệ chuyển đổi khác, chịu lãi suất căn cứ theo thỏa thuận giữa Công ty với các Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn. Lãi vay được trả hàng tháng theo thông báo lãi của các Ngân hàng. Các khoản vay này không có bảo đảm.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	581.709.698	11.516.154.495
Thuế xuất, nhập khẩu	277.004.617	6.296.627.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.202.527.773
Thuế thu nhập cá nhân	502.358.318	977.167.790
Các loại thuế khác	9.363.539	9.363.539
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.796.800	1.796.800
	<u>1.372.232.972</u>	<u>30.003.637.921</u>

15. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2011	254.771.728	314.285.671	569.057.399
Kết chuyển sang lợi nhuận kinh doanh trong năm	(84.923.910)	(314.285.671)	(399.209.581)
Tại ngày 31/12/2011	<u>169.847.818</u>	<u>-</u>	<u>169.847.818</u>
		<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
		VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		169.847.818	569.057.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	150.000.000.000	131.940.000	5.612.240.837	32.162.866.369	9.222.400.955	238.315.872.643
Phát hành cổ phiếu thưởng	75.000.000.000	-	-	-	-	(75.000.000.000)
Phát hành cổ phiếu tăng vốn	75.000.000.000	231.850.000	-	-	-	-
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận 2009	-	-	-	81.153.394.982	11.271.231.315	(132.115.872.643)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	110.415.394.363
Mua sắm tài sản cố định bằng quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.223.327.880	(3.223.327.880)	-	-
Tại ngày 31/12/2010	300.000.000.000	363.790.000	8.835.568.717	110.092.933.471	20.493.632.270	141.615.394.363
Phân phối lợi nhuận 2010	-	-	-	20.000.000.000	5.415.394.363	(110.415.394.363)
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	27.213.452.633
Tại ngày 31/12/2011	300.000.000.000	363.790.000	8.835.568.717	130.092.933.471	25.909.026.633	58.413.452.633

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0900222647 thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên, vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**b. Trích lập các quỹ và chia cổ tức**

Ngày 08 tháng 4 năm 2011, Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đã có Nghị quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2010, chi tiết như sau:

	<u>Số tiền</u>
	<u>VND</u>
Trích Quỹ dự phòng tài chính	5.415.394.363
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.000.000.000
Trích Quỹ đầu tư phát triển	20.000.000.000
Số trích các quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>50.415.394.363</u>
Chia cổ tức tỷ lệ 20%	60.000.000.000
Cộng	<u>110.415.394.363</u>
Số cổ tức đã chi trong kỳ	58.756.709.875
Số cổ tức còn phải trả tại ngày 31/12/2011	<u>1.243.290.125</u>

c. Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.000.000	30.000.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	30.000.000	30.000.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17. DOANH THU

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	3.941.363.467.825	3.097.296.965.537
Doanh thu hoạt động gia công	9.005.167.190	7.008.293.798
	<u>3.950.368.635.015</u>	<u>3.104.305.259.335</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	35.357.996.390	19.708.917.183
Giảm giá hàng bán	378.417.055	77.178.525
Hàng bán bị trả lại	-	356.218.240
	<u>35.736.413.445</u>	<u>20.142.313.948</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.653.069.458.708	2.848.707.258.646
Giá vốn của hoạt động gia công	3.581.602.666	2.787.391.197
	<u>3.656.651.061.374</u>	<u>2.851.494.649.843</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.158.219.411	15.264.555.724
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.737.500.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	314.370.130	536.299.102
	20.210.089.541	15.800.854.826

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011	2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	68.725.431.789	33.547.519.220
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.035.087.137	16.511.190.336
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.276.635.108
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	111.085.160.796	-
Chi phí tài chính khác	1.754.022.654	4.521.193.299
	183.599.702.376	55.856.537.963

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2011	2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	35.340.111.424	145.457.919.326
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	5.737.500.000	5.645.293.908
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.307.185.416	2.694.139.907
	30.909.796.840	142.506.765.325
Thu nhập chịu thuế		
Thuế suất thông thường	25%	25%
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm 2009	-	595.811.204
Điều chỉnh do thay đổi theo quyết toán thuế	-	(1.338.160.508)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.727.449.210	34.884.342.027
Thuế thu nhập hoãn lại	399.209.581	158.182.936
	8.126.658.791	35.042.524.963

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.213.452.633	110.415.394.363
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.000.000	27.568.681
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	907	4.005

23. TÀI SẢN TIỀM TÀNG

Công ty Cổ phần Thép Việt-Ý đang tiến hành các thủ tục pháp lý để giải quyết tranh chấp phát sinh với đối tác bán hàng của Công ty do đối tác bán hàng đã vi phạm các điều khoản giao hàng theo hợp đồng đã được hai bên ký kết. Theo kết luận bản án sơ thẩm của Tòa án, Công ty có thể thu được từ đối tác này số tiền khoảng 28 tỷ đồng. Tuy nhiên, kết quả cuối cùng còn tùy thuộc vào quyết định pháp lý cuối cùng của các cơ quan hữu quan và khả năng trả nợ của đối tác.

24. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2011 của Công ty ngày 08 tháng 4 năm 2011, Công ty đã thông qua chủ trương đầu tư nâng cao công suất nhà máy sản xuất thép lên 450.000 tấn/năm. Tổng mức đầu tư dự kiến là 903.632 triệu đồng.

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>2011</u>	<u>2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	336.678.788	-

Chi phí thuê hoạt động thể hiện khoản chi phí thuê văn phòng tại tầng 8 và tầng 9 Tòa nhà HH4 Mỹ Đình theo Hợp đồng số 28/2010/HĐTN/TCT-VIS ngày 18 tháng 01 năm 2010 giữa Tập đoàn Sông Đà và Công ty. Thời gian thuê là 50 năm trừ đi thời gian xây dựng Tòa nhà. Tổng giá tiền thuê là 38.886.400.000 đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty đã thanh toán cho Tập đoàn Sông Đà số tiền là 27.220.480.000 đồng, tương đương với 70% giá trị hợp đồng.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	400.129.908.591	226.782.408.392
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.820.993.516	69.504.850.943
Đầu tư ngắn hạn	23.833.673.404	56.000.000.000
Đầu tư dài hạn	290.000.000	1.000.000.000
Tài sản tài chính khác	88.645.634	41.990.837.496
Tổng cộng	692.163.221.145	395.278.096.831
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	704.196.738.260	533.232.003.232
Phải trả người bán và phải trả khác	56.075.577.724	469.109.808.349
Chi phí phải trả	7.463.262.346	5.872.976.913
Tổng cộng	767.735.578.330	1.008.214.788.494

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ
 Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	3.831.259.628	131.142.044	122.146.803
Euro (EUR)	51.853.362	51.853.362	11.253.449	10.532.743

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Báo cáo tài chính

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	56.075.577.724	-	56.075.577.724
Chi phí phải trả	7.463.262.346	-	7.463.262.346
Các khoản vay	704.196.738.260	-	704.196.738.260
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	469.109.808.349	-	469.109.808.349
Chi phí phải trả	5.872.976.913	-	5.872.976.913
Các khoản vay	528.735.795.232	4.496.208.000	533.232.003.232

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	400.129.908.591	-	400.129.908.591
Phải thu khách hàng và phải thu khác	267.820.993.516	-	267.820.993.516
Đầu tư ngắn hạn	23.833.673.404	-	23.833.673.404
Đầu tư dài hạn	-	290.000.000	290.000.000
Tài sản tài chính khác	88.645.634	-	88.645.634
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	226.782.408.392	-	226.782.408.392
Phải thu khách hàng và phải thu khác	69.504.850.943	-	69.504.850.943
Đầu tư ngắn hạn	56.000.000.000	-	56.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	1.000.000.000	1.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	2011	2010
	VND	VND
Doanh thu		
Công ty Sông Đà 5	67.004.185.510	61.995.787.732
Xí nghiệp Sông Đà 10.6	148.149.060	633.046.490
Công ty Sông Đà 7	36.237.786.580	79.468.826.982
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	34.745.501.681	14.271.928.304
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	21.838.170.950	14.187.365.202
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	3.683.121.400	8.447.550.738
Công ty TNHH MTV Sông Đà 908	4.791.361.280	6.883.095.420
Xí nghiệp Sông Đà 10.5	-	2.664.603.500
Xí nghiệp Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	10.815.237.700	1.743.054.800
Công ty Sông Đà 8	6.081.889.780	-
Xí nghiệp Sông Đà 6.01	8.573.790.720	13.698.189.530
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	740.490.750	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.7 (Xekaman 3)	58.839.202.800	3.360.528.580
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	-	1.817.694.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	2.510.663.150	-
Các bên liên quan khác	1.886.240.292	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	1.369.734.196.460	1.302.187.766.456
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9	-	1.077.300.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	81.301.632	-
Tập đoàn Sông Đà	24.745.890.909	-
Công ty Cổ phần Tự động hóa Thông tin Sông Đà	-	211.293.307
Bên liên quan khác	7.000.000	46.648.881
Góp vốn đầu tư		
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	-	38.250.000.000

Chính sách giá với các bên liên quan: Phương pháp giá không bị kiểm soát, có thể so sánh được.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VIỆT-Ý

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Giai Phạm, huyện Yên Mỹ

Tỉnh Hưng Yên, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)****Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Công ty Sông Đà 7	1.974.717.158	7.599.043.597
Công ty Sông Đà 5	32.504.427.096	5.537.592.394
Công ty Cổ phần Sông Đà 6.04	4.051.433.540	508.144.715
Xí nghiệp Sông Đà 10.7 (Xekaman 3)	13.770.186.532	-
Xí nghiệp Sông Đà 6.03- Công ty Cổ phần Sông Đà 6	5.498.184.624	4.333.968.424
Công ty TNHH MTV Sông Đà 908	116.383.053	606.005.389
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà	112.910.759	3.007.730
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	4.668.497.750	3.396.247.623
Công ty Cổ phần Thương mại và Vật tư Sông Đà	-	283.869.896
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.5	1.669.622.935	3.369.622.935
Xí nghiệp Sông Đà 6.01	372.306.791	1.995.762.168
Xí nghiệp Sông Đà 10.3 - Công ty Cổ phần Sông Đà 10	188.722.933	188.722.933
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	-	265.666.126
Công ty Sông Đà 8	657.696.597	-
Xí nghiệp Sông Đà 10.7	191.644.268	1.122.628.000
Xí nghiệp Sông Đà 6.05 - Công ty Cổ phần Sông Đà 6	2.294.760.600	-
Các bên liên quan khác	525.508.213	225.763.714
Trả trước cho người bán		
Tập đoàn Sông Đà	-	8.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	72.779.187	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà	-	265.666.126
Các khoản phải trả		
Công ty Sông Đà 12	-	773.124.761
Công ty Cổ phần Luyện thép Sông Đà	9.981.289.758	286.789.090.186
Các bên liên quan khác	342.098.350	405.588.683

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2011	2010
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	4.378.481.591	5.959.261.228

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

*Hưng Yên, ngày 29 tháng 02 năm 2012***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc****Đặng Thị Tuyết Dung****Nguyễn Hoàng Ngân****Trần Văn Thạnh**